

THỨ NGÀY	BUỔI	16DNT1 (33SV)	16DNT2 (24SV)	16DNTCNC (29SV)	16DBVTV (22SV)	16DCN (08SV)
HAI 10/11	SÁNG	Thuốc và hóa chất trong NTTS - 4t P7 - T. Toàn	KTSX giống và nuôi CB - 3t P10 - C Như			TT. Tay nghề 3. Từ ngày 23/10/2025 - 18/12/2025 Tại: Phường Bạc Liêu, Phường Sóc Trăng. Giảng viên phụ trách : 1. Cô Trần Hồng Định 2. Thầy Nguyễn Tiến Sĩ 3. Thầy Nguyễn Thanh Thư 4. Cô Mai Thị Ngọc Hương
	CHIỀU	TT. Kinh tế thủy sản - 5t P7 - T. Tuấn	Thuốc và hóa chất trong NTTS - 4t P10 - T. Toàn	TT. PP bố trí TN và XLSL - 5t P8 - C. Huyền		
BA 11/11	SÁNG		Kinh tế thủy sản - 4t P9 - T. Tuấn			
	CHIỀU	KT xử lý nước thải - 2t P11 - T. Huy (Tiết 1, 2)	KT xử lý nước thải - 2t P11 - T. Huy (Tiết 3, 4)	TT. PP bố trí TN và XLSL - 5t P9 - C. Huyền		
TU 12/11	SÁNG			Thuốc và hóa chất trong NTTS - 4t P7 - T. Toàn		
	CHIỀU	Thuốc và hóa chất trong NTTS - 4t PA4-CS2 - T. Toàn	Kinh tế thủy sản - 4t P11 - T. Tuấn	KT xử lý nước thải - 2t P10 - T. Huy		
NĂM 13/11	SÁNG	KTSX giống và nuôi CB - 4t P10 - C Như		Kinh tế thủy sản - 4t P7 - T. Tuấn		
	CHIỀU	Chăn nuôi đại cương - 4t P8 - T. Thư	KTSX giống và nuôi CB - 3t P16 - C Như			
SÁU 14/11	SÁNG		Thuốc và hóa chất trong NTTS - 4t P17 - T. Toàn	Kinh tế thủy sản - 3t P9 - T. Tuấn		
	CHIỀU			Thuốc và hóa chất trong NTTS - 4t P8 - T. Toàn		
BẢY 15/11	SÁNG					
	CHIỀU					
CN 16/11	SÁNG					
	CHIỀU					

Ghi chú: Buổi sáng tiết 1 bắt đầu 7^h00; Buổi chiều tiết 1 bắt đầu 13^h20

THỨ NGÀY	BUỔI	17DNTTS1 (26SV)	17DNTTS2 (33SV)	17DNTCNC (20SV)	17DBVTV (04SV)	17DBVMTTS (04SV)	17DCNTY (10SV)
HAI 10/11	SÁNG		DT và chọn giống TS-4t P9 - C. Xiếu	Vi sinh vật hữu ích - 4t P8 - C. M Phương			
	CHIỀU	Công trình và thiết bị trong NTTS - 4t PA4-CS2 - C. B Vân	DT và chọn giống TS-2t P9 - C. Xiếu				
BA 11/11	SÁNG	PP NCKH - 4t P11 - C. Phương Ghép với 18DKHMT			DD cây trồng - 4t P7 - C. Kiều	QL chất thải nguy hại - 4t P9 - C. Xuân	
	CHIỀU	Quy hoạch và PT nghề cá - 4t P7 - T. Tuấn	Công trình và thiết bị trong NTTS - 2t (Tiết 1,2) PA4 - CS2 - C. B Vân	Công trình và TB trong NTTS - 2t (Tiết 3, 4) PA4 - CS2 - C. B Vân			Tiếng anh chuyên ngành - 4t P10 - C. Định
TƯ 12/11	SÁNG		PP NCKH - 4t P10 - C. Phương		Sinh học phân tử-4t P11 - C. Xiếu		
	CHIỀU	Kỹ thuật SXG và nuôi giáp xác -3t P9 - T. Lý	TT. PP bố trí TN và XL SL - 5t P12 - C. Huyền		DD cây trồng - 4t P7 - C. Kiều		
NĂM 13/11	SÁNG	LS ĐCSVN - 4t P11 - C. Kiều		Vi sinh vật hữu ích - 4t P17 - C. M Phương		QL chất thải nguy hại - 4t P9 - C. Xuân	
	CHIỀU		LS ĐCSVN - 2t P11 - C. Kiều		Khoa học đất - 4t P17 - C. Huyền Ghép với 18DBVTV		Tiếng anh chuyên ngành - 4t P10 - C. Định
SÁU 14/11	SÁNG	KT trồng rong biển - 4t P10 - C. Nhâm		Lịch sử ĐCSVN - 2t P12 - C. Kiều			
	CHIỀU	TT. PP bố trí TN và XL SL - 5t P7 - C. Huyền		Vi sinh vật hữu ích - 4t P9 - C. M Phương	Tiếng Anh chuyên ngành BVTV - 4t P10 - C. Nhâm		
BẢY 15/11	SÁNG	Kỹ thuật SXG và nuôi giáp xác - 3t P7 - T. Lý	KT trồng rong biển - 4t P10 - C. Nhâm	Kỹ thuật SXG và nuôi giáp xác - 4t P9 - T. Nguyên			
	CHIỀU		KT trồng rong biển - 4t P10 - C. Nhâm	Kỹ thuật SXG và nuôi giáp xác - 4t P9 - T. Nguyên			

THỨ NGÀY	BUỔI	18DNTTS (29SV)	18DNTCNC (27SV)	18DBVTV (10SV)	18DKHMT (04SV)	18DCNTY (13SV)
HAI 10/11	SÁNG	CNXH khoa học - 3t P12 - C. Trang	Tiếng Anh CB 3 - 2t PA4 - CS2 - C. Sang	TT. Sinh lý thực vật - 5t PTN Vi sinh - C. Chúc	Khí tượng thủy văn - 4t P11 - T. Huy	
	CHIỀU					
BA 11/11	SÁNG		CNXH khoa học - 3t PA5 - CS2 - C. Trang	TT. Sinh lý thực vật - 5t PTN Vi sinh - C. Chúc	PP NCKH-4t P11 - C. Phương Ghép với 17DNTTS1	
	CHIỀU		Mô và phôi học động vật TS - 2t PA5 - CS2 - C. Hồng Vân	Khoa học cây trồng - 4t P8 - C. Quế		
TƯ 12/11	SÁNG	Sinh thái thủy sinh - 2t P8 - C. Ngà (Tiết 1,2)	Sinh thái thủy sinh - 2t P8 - C. Ngà (Tiết 3,4)	Tiếng Anh CB 3 - 4t PA4 - CS2 - T. Bảo		
	CHIỀU				TT. Hóa môi trường UD - 5t PTN Sinh hóa - T. Bé	Động vật học - 4t P17 - C. Xiếu
NĂM 13/11	SÁNG	Tiếng Anh CB 3 - 4t P12 - C. An		CNXH khoa học - 4t P8 - CS1 - C. Lệ		
	CHIỀU		Hình thái, PL động vật thủy sản - 4t PA4 - CS2 - C. B Vân	Khoa học đất - 4t P17 - C. Huyền Ghép với 17DBVTV	Khí tượng thủy văn - 4t P7 - T. Huy	
SÁU 14/11	SÁNG			Khoa học cây trồng - 4t P8 - C. Quế	Hệ sinh thái rừng - 4t P7 - T. Nam	
	CHIỀU	Hình thái, PL động vật thủy sản - 4t PA4 - CS2 - C. B Vân			TT. Hóa môi trường UD - 5t PTN Sinh hóa - T. Bé	
BẢY 15/11	SÁNG			TT. Sinh lý thực vật - 5t PTN Vi sinh - C. Chúc		
	CHIỀU			TT. Sinh lý thực vật - 5t PTN Vi sinh - C. Chúc		
CN 16/11	SÁNG					
	CHIỀU					

Ghi chú: Buổi sáng tiết 1 bắt đầu 7^h00; Buổi chiều tiết 1 bắt đầu 13^h20

THỨ NGÀY	BUỔI	19DNTTS1 (38SV)	19DNTTS2 (36SV)	19DNTCNC (37SV)	19DKHMT (12SV)	19DBVTV (22SV)	19DCNTY (22SV)
HAI 10/11	SÁNG	Tin học CB - 4t PM1 - T. Hiễn		Tâm lý học ĐC - 2t P17 - T. Công			
	CHIỀU	Triết học Mác Lê-nin - 4t P16 - T. Phương	Tin học CB - 4t PM1 - T. Côn Ghép với 19DKHMT		Tin học CB - 4t PM1 - T. Côn Ghép với 19DNTTS2		
BA 11/11	SÁNG	Tiếng Anh CB 1 - 4t PA4 - CS2 - C. Oanh	Triết học Mác Lê-nin - 4t P16 - T. Phương Ghép với 19DKHMT	Pháp luật ĐC - 4t P17 - C. Thêm	Triết học Mác Lê-nin - 4t P16 - T. Phương Ghép với 19DNTTS2	Tâm lý học đại cương - 4t P12 - T. Công	
	CHIỀU					Pháp luật đại cương - 4t P12 - C. Thêm	
TU 12/11	SÁNG	Tâm lý học đại cương - 4t P16 - T. Công	Tiếng Anh CB 1 - 4t PA5 - CS2 - T. Út Ghép với 19DKHMT		Tiếng Anh CB 1 - 4t PA5 - CS2 - T. Út Ghép với 19DNTTS2		
	CHIỀU	Tin học CB - 4t P16 - T. Hiễn	Tâm lý học ĐC - 4t PA5 - CS2 - T. Công Ghép với 19DKHMT		Tâm lý học ĐC - 4t PA5 - CS2 - T. Công Ghép với 19DNTTS2	Tin học CB - 4t PM3 - T. Côn	
NĂM 13/11	SÁNG	Sinh học đại cương - 2t P16 - C. Ngà		Tiếng Anh CB 1 - 4t PA4 - CS2 - C. Ý		Sinh học đại cương - 4t PA5 - CS2 - C. Chúc	
	CHIỀU		Pháp luật ĐC - 4t PA5 - CS2 - C. Thêm Ghép với 19DKHMT	Tin học CB - 4t PM5 - T. Côn	Pháp luật ĐC - 4t PA5 - CS2 - C. Thêm Ghép với 19DNTTS2	Tiếng Anh CB 1 - 4t P12 - CS1 - C. Hạnh	
SÁU 14/11	SÁNG	Pháp luật đại cương - 4t PA5 - CS2 - C. Thêm					
	CHIỀU						
BẢY 15/11	SÁNG			Triết học Mác Lê-nin - 4t GD7 - CS2 - T. Hiệp		Triết học Mác Lê-nin - 4t GD7 - CS2 - T. Hiệp	
	CHIỀU						
CN 16/11	SÁNG						
	CHIỀU						

Ghi chú: Buổi sáng tiết 1 bắt đầu 7^h00; Buổi chiều tiết 1 bắt đầu 13^h20

THÔNG TIN LIÊN HỆ GIẢNG VIÊN

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Mail
I. Khoa Nông nghiệp và Thủy sản			
1	Nguyễn Thị Kim Xuân	0909.094.195	ntkxuan@blu.edu.vn
2	Nguyễn Văn Tuấn	0915.886.877	nvtuan@blu.edu.vn
1. Bộ môn Nuôi trồng thủy sản			
3	Lê Hoàng Vũ	0907.005.004	lhvu@blu.edu.vn
4	Trần Thị Bích Như	0913.141.344	ttbnhu@blu.edu.vn
5	Dương Hải Toàn	0988.233.588	dhtoan@blu.edu.vn
6	Lâm Tâm Nguyên	0913.762.720	ltnguyen@blu.edu.vn
7	Trần Thị Linh Nhâm	0973.911.777	ttltnham@blu.edu.vn
8	Nguyễn Thị Hồng Vân	0989.596.697	nthvan@blu.edu.vn
9	Lê Mỹ Phương	0948.734.070	lmphuong@blu.edu.vn
10	Nguyễn Thị Bích Vân	0917.845.748	ntbvan@blu.edu.vn
11	Tiêu Ngọc Xiểu	0919.557.710	tnxieui@blu.edu.vn
12	Lê Thị Ngọc Ngà	0943.083.525	ltnga@blu.edu.vn
13	Trần Thị Bé	0975.255.244	ttbe@blu.edu.vn
2. Bộ môn Khoa học cây trồng và Phát triển nông thôn			
14	Dương Thị Bích Huyền	0794.934.344	dtbhuyen@blu.edu.vn
15	Phạm Thị Thắm	0988.978.357	pttham@blu.edu.vn
16	Mai Như Phương	0982.402.876	mnphuong@blu.edu.vn
17	Trần Ngọc Hạnh	0904.760.956	tnhanh@blu.edu.vn
18	Lâm Quốc Huy	0916.568.680	lqhuy@blu.edu.vn
19	Phạm Giang Nam	0918.450.076	pgnam@blu.edu.vn
20	Nguyễn Thị Thúy Hằng	0817.300.048	ntthang@blu.edu.vn

3. Bộ môn Chăn nuôi Thú y			
21	Trần Hồng Định	0985.155.894	thdinh@blu.edu.vn
22	Nguyễn Tiến Sĩ	0907.900.435	ntsi@blu.edu.vn
23	Nguyễn Thanh Thu	0919.464.580	ntthu@blu.edu.vn
24	Mai Thị Ngọc Hương	0944.853.161	mtnhuong@blu.edu.vn
II. Mời giảng			
1. Ban Giám hiệu			
25	Tiền Hải Lý	0908 281 287	thly@blu.edu.vn
2. Các phòng ban			
26	Nguyễn Thị Kiều	0939.752.474	ntkieu@blu.edu.vn
27	Đặng Nguyệt Quế	0989.679.696	dnque@blu.edu.vn
28	Ngô Đức Khánh	0848.337.994	ndkhanh@blu.edu.vn
29	Lê Cẩm Lệ	0918.053.290	lecamle.bl@gmail.com
30	Tô Hoàng Hiệp	0913.631.977	
31	Huỳnh Điền Côn	0957.700.048	
3. Khoa Sư phạm			
32	Trần Văn Bé	0939.166.111	tvbe@blu.edu.vn
33	Phạm Tiến Công	0913.647.871	ptcong@blu.edu.vn
34	Ngũ Hữu Khái	0907.404383	nhkhai@blu.edu.vn
35	Nguyễn Thị Chúc	0944.711.754	ntchuc@blu.edu.vn
4. Khoa Khoa học xã hội			
36	Diệp Kiều Trang	0913.458.993	dktrang@blu.edu.vn
37	Trương Thị Kiều	0944.878.527	ttkieu@blu.edu.vn
38	Trần Tam Phương	0913.806.429	ttphuong@blu
39	Nguyễn Thị Sang	0919.747.633	ntsang@blu.edu.vn
40	Tạ Thị Kim Oanh	0916.337.654	ttkoanh@blu.edu.vn
41	Trương Thị Như Ý	0972.996.939	ttny@blu.edu.vn
42	Dương Thế Bảo	0776.514.675	dtbao@blu.edu.vn

45	Nguyễn Văn Út	0946.463.232	nvut@blu.edu.vn
46	Nguyễn Tuyết Hạnh	0986.164.098	
5. Khoa Kỹ thuật và Công nghệ			
47	Hoàng Ngọc Hiền	0943.008.175	hnhien@blu.edu.vn
6. Khoa Kinh tế và Luật			
48	Lê Thị Thêm	0947.746.002	ltthem@blu.edu.vn